

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Ban và Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25/6/2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972, có mặt;

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Thái Thị N, sinh năm 1975, vắng mặt;

Đăng ký HKTT: P, M, Phù Cù, Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn, anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh và chị Thái Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên ngày 15/10/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N thường xuyên bỏ nhà chồng về nhà bố, mẹ đẻ ở, anh T có đi tìm về một vài lần và gia đình hai bên đã hòa giải cho vợ chồng nhưng vợ chồng không về chung sống được với nhau. Từ năm 2003 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn, anh xin được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành, sống tự lập, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản: Anh và chị N không có tài sản chung, không đóng góp công sức tài sản gì với hai bên gia đình, không nợ ai tài sản gì, không tranh chấp về ruộng cây, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn, chị Thái Thị N trình bày: Về điều kiện kết hôn giữa chị và anh T như phần trình bày của nguyên đơn là đúng, quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nhiều lần đánh đập mẹ con chị, do đó chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Tiến Tiến sinh sống. Thời gian đầu, anh T có đến tìm chị về chung sống nhưng chỉ được thời gian ngắn, anh T lại đánh đập chị làm cho tình trạng vợ chồng trầm trọng. Từ khoảng năm 2002-2003, vợ chồng sống ly thân, chị đã làm đơn xin ly hôn với anh T, nhưng do anh T không hợp tác nên vợ chồng chưa làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Nay chị xác định giữa hai bên không còn tình nghĩa vợ chồng, chị đồng ý ly hôn anh T. Do công việc làm ăn ở xa, khó khăn trong việc đi lại, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt.

Về con chung và tài sản, chị N nhất trí như nội dung anh T trình bày, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Lời trình bày của các con chung là Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn T1 đều xác định bản thân đã đủ tuổi thành niên, tự lập được cuộc sống và không yêu cầu gì ở bố mẹ.

- Nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M phù hợp với lời trình bày của các bên đương sự về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, hoàn cảnh và điều kiện hiện tại của mỗi người, không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với đương sự có đơn xét xử vắng mặt, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 227; Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để giải quyết theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T, xử cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Thái Thị N; không xem xét giải quyết vấn đề con chung và tài sản chung; anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Các đương sự yêu cầu giải quyết về ly hôn đều có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Chị N đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ căn cứ các Điều 35 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Thái Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 15/10/1992. Tại Trích lục kết hôn thể hiện cả hai bên vợ chồng cùng sinh năm 1972, do đó tại thời điểm kết hôn các bên đều có đủ điều kiện về độ tuổi, phù hợp với quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên, trong Sổ hộ khẩu gia đình và Chứng minh nhân dân được cấp sau thời điểm đăng ký kết hôn lại thể hiện chị N sinh ngày 10/12/1975, như vậy theo các giấy tờ trên, tại thời điểm kết hôn, chị N chưa sang tuổi 18, do đó có dấu hiệu vi phạm về điều kiện kết hôn. Tại thời điểm ly hôn, các bên đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, do đó Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 để giải quyết cho ly hôn mà không xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Quá trình chung sống, các bên có cuộc sống hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu, vợ chồng đã có 02 con chung, nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn do những nguyên nhân khác nhau, anh T đã có hành vi bạo lực gia đình, chị N đi về nhà bố mẹ để ở và cũng bỏ mặc tình trạng vợ chồng mâu thuẫn. Các bên đều xác định đã ly thân nhau từ năm 2003 cho đến nay, hai bên không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau và đều không mong muốn quay trở về đoàn tụ. Xét tình trạng vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác chị N cũng nhất trí với yêu cầu giải quyết ly hôn của anh T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995, hiện tại các con chung đã trên 18 tuổi, sống tự lập không có yêu cầu về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng, các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Thái Thị N.

2. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 005824 ngày 25/6//2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Anh Nguyễn Xuân T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Thái Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng yên;
- VKSND ND huyện Phù Cừ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- UBND xã M, huyện Phù Cừ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Nguyễn Duy Phụng